

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch
Ông Bùi Kỳ Phát	Phó chủ tịch
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên
Ông Võ Sỹ Đồng	Thành viên
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)
Ông Phan Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyện
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Số: 176/2016/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/08/2016 và được trình bày từ trang số 05 đến trang 33 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Đình Minh

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0034-2015-055-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		255.538.311.900	215.454.510.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.556.863.803	16.669.374.388
1. Tiền	111		19.556.863.803	6.450.031.755
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.219.342.633
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.167.356.427	26.730.990.668
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	71.087.993.031	7.578.915.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.340.980.436	7.950.941.920
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.830.657.393	13.292.564.111
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.092.274.433)	(2.091.431.263)
IV. Hàng tồn kho	140	9	155.262.759.096	165.519.497.304
1. Hàng tồn kho	141		155.262.759.096	165.519.497.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		551.332.574	6.534.648.526
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.228.973.399
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	551.332.574	3.305.675.127
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		236.528.774.480	230.681.559.837
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		298.766.864	298.766.864
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	298.766.864	298.766.864
II. Tài sản cố định	220		85.209.530.460	77.984.913.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	77.803.980.877	70.521.239.195
- Nguyên giá	222		154.880.951.541	141.537.834.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.076.970.664)	(71.016.595.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.405.549.583	7.463.674.583
- Nguyên giá	228		8.314.234.750	8.314.234.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(908.685.167)	(850.560.167)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	99.766.095.518	101.613.615.806
- Nguyên giá	231		166.715.475.699	166.715.475.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(66.949.380.181)	(65.101.859.893)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		49.945.238.043	49.790.725.316
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	49.945.238.043	49.790.725.316
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.309.143.595	993.538.073
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.309.143.595	993.538.073
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		492.067.086.380	446.136.070.723

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		365.925.157.488	317.785.610.759
I. Nợ ngắn hạn	310		188.928.952.832	143.698.591.281
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	60.524.168.527	59.327.103.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.151.604.502	134.768.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.173.591.516	295.652.221
4. Phải trả người lao động	314		8.633.801.984	8.253.773.582
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	18.615.539.743	3.103.772.254
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.839.718.755	1.624.389.871
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	8.668.884.654	4.815.858.740
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	79.434.845.177	65.187.962.383
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.886.797.974	955.310.535
II. Nợ dài hạn	330		176.996.204.656	174.087.019.478
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	48.569.826.988	48.957.880.774
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	70.117.852.235	71.820.613.271
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	58.308.525.433	53.308.525.433
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.141.928.892	128.350.459.964
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	126.041.928.892	128.250.459.964
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.961.000.000	58.961.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.542.149.721	4.900.411.071
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.806.130.187	3.806.130.187
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.358.423.529	43.208.693.251
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.475.400.613	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.883.022.916	43.208.693.251
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		100.000.000	100.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		492.067.086.380	446.136.070.723

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập

Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyện

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

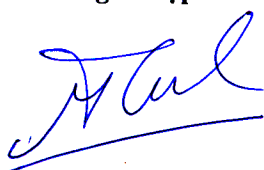
MẪU SỐ B02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	334.583.054.447	282.802.587.066
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	210.173.630	79.171.680
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		334.372.880.817	282.723.415.386
4. Giá vốn hàng bán	11	25	244.016.245.099	209.882.760.784
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.356.635.718	72.840.654.602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		72.147.085	22.629.397
7. Chi phí tài chính	22	26	3.879.389.086	3.942.515.396
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.394.019.510	2.501.645.647
8. Chi phí bán hàng	25	27	48.184.817.251	41.487.534.066
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	12.889.095.470	9.525.605.259
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.475.480.996	17.907.629.278
11. Thu nhập khác	31	29	698.501.679	1.566.382.661
12. Chi phí khác	32		657.525.831	199.841.588
13. Lợi nhuận khác	40		40.975.848	1.366.541.073
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.516.456.844	19.274.170.351
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.633.433.928	3.988.498.627
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.883.022.916	15.285.671.724
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.372	2.593
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.372	2.593

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B03a - DN

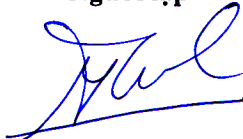
Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
I. DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.516.456.844	19.274.170.351
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.159.590.834	4.201.830.153
- Các khoản dự phòng	03	1.000.843.170	82.971.199.588
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(809.497)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(242.025.659)	(107.569.391)
- Chi phí lãi vay	06	2.394.019.510	2.394.019.510
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.828.075.202	108.733.650.211
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(58.865.222.051)	(100.459.285.640)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.256.738.208	25.120.494.536
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.942.477.255	25.134.778.564
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(315.605.522)	814.583.463
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.385.236.756)	(2.621.746.398)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(76.272.302)	(10.419.149)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	65.420.000	213.400.000,00
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.485.236.549)	(831.094.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.965.137.485	56.094.360.777
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(16.793.204.684)	(12.330.719.875)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	293.126.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.838.323	21.860.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.429.240.361)	(12.308.858.901)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	216.923.183.783	149.031.049.971
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(202.676.300.989)	(165.045.852.414)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.896.100.000)	(5.850.995.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.350.782.794	(21.865.798.143)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.886.679.918	21.919.703.733
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.669.374.388	8.143.980.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	809.497	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.556.863.803	30.063.684.253

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0100100216 ngày 03/03/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng, tương ứng với 5.896.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 454 người (tại ngày 31/12/2015 là 394 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
-

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nhà máy sản xuất của Công ty đặt tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh (hạch toán phụ thuộc) sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (TP.Hà Nội)	Số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng	Số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng, hoặc;
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc;
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị quản lý	04 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất phản ánh khoản tiền Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty không thực hiện trích khấu hao với quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại 25 Lý Thường Kiệt do Công ty xây dựng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá trị công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 năm.

Đến thời điểm 30/06/2016, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng. Nguyên giá của bất động sản đầu tư nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư dự án xây dựng tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000052 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012. Theo Quyết định số 219/QĐ –GVN.HN ngày 23/06/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 472,267 tỷ đồng, trong đó mức đầu tư tương ứng với phần diện tích Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được phép sử dụng, khai thác là 241,426 tỷ đồng. Công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2014, hiện tại Công ty đang tiến hành các thủ tục để quyết toán công trình, dự kiến hoàn thành trong quý IV/2016.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê nhà và các chi phí khác.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Chi phí tiền thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 32.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	514.291.534	733.591.008
Tiền gửi ngân hàng	19.042.572.269	5.716.440.747
Các khoản tương đương tiền	-	10.219.342.633
Cộng	19.556.863.803	16.669.374.388

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	71.087.993.031	7.578.915.900
- Công ty TNHH một thành viên thương mại và tổng hợp Hùng Đức	8.218.801.653	-
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và thương mại Tân Đức Anh	7.255.494.541	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	55.613.696.837	7.578.915.900
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	71.087.993.031	7.578.915.900

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	2.830.657.393	-	13.292.564.111	-
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	1.367.052.565	-	3.701.666.283	-
- Ký cược, ký quỹ	133.076.160	-	100.520.000	-
- Tạm ứng	985.780.890	-	416.045.890	-
- Cổ tức đã tạm ứng	-	-	8.842.584.590	-
- Bảo hiểm xã hội	248.204.004	-	127.193.312	-
- Kinh phí công đoàn	-	-	7.871.562	-
- Phải thu khác	96.543.774	-	96.682.474	-
Dài hạn	298.766.864	-	298.766.864	-
- Ký cược, ký quỹ	298.766.864	-	298.766.864	-
Cộng	3.129.424.257	-	13.591.330.975	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

8. NỢ XẤU

30/06/2016				01/01/2016			
Thời gian phát sinh	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian phát sinh	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND		VND	VND	VND
Trên 3 năm	780.129.069	780.129.069	-	Trên 3 năm	780.129.069	780.129.069	-
Trên 3 năm	1.622.376.972	1.622.376.972	-	Trên 3 năm	1.223.067.602	611.533.802	611.533.800
Trên 3 năm	460.550.297	460.550.297	-	Trên 3 năm	470.550.297	470.550.297	-
Trên 3 năm	229.218.095	229.218.095	-	Trên 3 năm	229.218.095	229.218.095	-
	3.092.274.433	3.092.274.433	-		2.702.965.063	2.091.431.263	611.533.800

(*) Khoản công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (viết tắt là "Công ty A&T") là khoản phải thu về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt. Tuy nhiên, Công ty A&T đã không thanh toán cho Công ty theo quy định của hợp đồng, do đó Công ty đã kiện Công ty A&T ra tòa án dân sự để thu hồi công nợ. Tòa án nhân dân quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý án và xử phiên sơ thẩm, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phiên phúc thẩm. Đến ngày 26/05/2016, các bên đã thực hiện hòa giải và có biên bản hòa giải Thành của Tòa án Nhân dân quận 2 thành phố Hồ Chí Minh về toàn bộ nợ gốc (phát sinh từ hợp đồng thuê và các biên bản làm việc, đối chiếu công nợ) là 1.622.376.972 đồng, Công ty A&T sẽ thanh toán làm 3 lần. Trong đó, thanh toán lần đầu vào 30/08/2016 và lần cuối chậm nhất đến ngày 28/02/2017. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty A&T chưa thanh toán được số tiền nợ. Công ty đang xúc tiến thu hồi công nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số trích lập tương ứng 100% giá trị phải thu. .

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	2.055.133.405	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	61.212.111.326	-	56.346.572.704	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	13.362.072.381	-	10.184.603.372	-
Thành phẩm	32.361.558.605	-	51.027.045.929	-
Hàng hoá	46.271.883.379	-	47.961.275.299	-
Cộng	155.262.759.096	-	165.519.497.304	-

(*): Bao gồm giá trị nguyên vật liệu tồn tại các phân xưởng chưa đưa vào sản xuất tại ngày 30/06/2016 là 9.146.478.927 đồng.

Tại ngày 30/06/2016, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị giảm giá.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	1.309.143.595	993.538.073
Chi phí thuê nhà	606.473.058	763.788.128
Công cụ dụng cụ	645.973.261	208.557.945
Chi phí khác	56.697.276	21.192.000
Cộng	1.309.143.595	993.538.073

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	60.145.670.847	73.740.627.992	5.229.896.802	2.421.638.994	141.537.834.635
Mua trong kỳ	-	10.719.186.129	1.561.981.819	-	12.281.167.948
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.296.145.612	-	-	-	2.296.145.612
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.234.196.654)	-	-	(1.234.196.654)
Tại ngày 30/06/2016	62.441.816.459	83.225.617.467	6.791.878.621	2.421.638.994	154.880.951.541
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	24.931.102.085	40.456.791.501	3.954.393.103	1.674.308.751	71.016.595.440
Khấu hao trong kỳ	1.298.469.101	5.708.590.209	163.219.602	83.666.634	7.253.945.546
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.193.570.322)	-	-	(1.193.570.322)
Tại ngày 30/06/2016	26.229.571.186	44.971.811.388	4.117.612.705	1.757.975.385	77.076.970.664
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	35.214.568.762	33.283.836.491	1.275.503.699	747.330.243	70.521.239.195
Tại ngày 30/06/2016	36.212.245.273	38.253.806.079	2.674.265.916	663.663.609	77.803.980.877
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng</i>	8.208.695.827	27.907.396.259	3.704.621.893	1.391.572.758	41.212.286.737

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
Tại ngày 30/06/2016	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	850.560.167	850.560.167
Khấu hao trong kỳ	-	58.125.000	58.125.000
Tại ngày 30/06/2016	-	908.685.167	908.685.167
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	6.708.372.500	755.302.083	7.463.674.583
Tại ngày 30/06/2016	6.708.372.500	697.177.083	7.405.549.583

Tài sản đảm bảo mang đi cầm cố thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là quyền sử dụng đất tại địa chỉ 672 Ngô Gia Tự có nguyên giá 6.708.372.500 đồng. Chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 20-Vay và nợ thuê tài chính

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	166.715.475.699	166.715.475.699
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2016	166.715.475.699	166.715.475.699
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	65.101.859.893	65.101.859.893
Khấu hao trong kỳ	1.847.520.288	1.847.520.288
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2016	66.949.380.181	66.949.380.181
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	101.613.615.806	101.613.615.806
Tại ngày 30/06/2016	99.766.095.518	99.766.095.518

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	49.931.651.043	49.704.378.316
- Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
- Mua sắm TSCĐ	-	72.760.000
Cộng	49.945.238.043	49.790.725.316

(*): Công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (viết tắt “ Thuận An Building”), chi tiết:

- Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008, Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác, kinh doanh tạm tính là 3.932 m2 gồm diện tích sàn tầng 3, 4, 5, 6 (983m2/tầng). Sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, Thuận An Building được ký hợp đồng thuê văn phòng tương ứng phần diện tích đã góp vốn trong thời gian hoạt động còn lại của Công trình theo hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội.
- Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009, Thuận An Building đầu tư xây dựng 100% toàn phần diện tích tăng thêm từ 09 tầng lên 13 tầng của công trình dự án để được hưởng 50% toàn bộ diện tích tăng thêm nhằm sử dụng, quản lý, khai thác và kinh doanh.
- Trong quy định của các hợp đồng hợp tác nêu trên, quyền được thuê và sử dụng được chuyển giao cho Thuận An Building hoặc một bên khác do Thuận An Building chỉ định. Bên khác do Thuận An Building chỉ định tại các phụ lục hợp đồng hợp tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016 của Công ty là giá trị tạm tăng. Giá trị của dự án nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH Một thành viên	11.065.115.215	11.065.115.215	11.065.115.215	11.065.115.215
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	7.917.853.819	7.917.853.819	19.231.299.138	19.231.299.138
- Công ty Cổ phần Giấy và Bao Bì Việt Thắng	10.273.464.840	10.273.464.840	3.848.511.536	3.848.511.536
- Phải trả cho các đối tượng khác	31.267.734.653	31.267.734.653	25.182.177.281	25.182.177.281
Cộng	60.524.168.527	60.524.168.527	59.327.103.170	59.327.103.170
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	60.524.168.527	60.524.168.527	59.327.103.170	59.327.103.170

Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

1.013.600.108 1.013.600.108 2.265.934.103 2.265.934.103

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2016
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế GTGT phải nộp	-	6.073.281.931	5.846.093.919	227.188.012
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.193.801.853	2.193.801.853	-
Thuế Nhập khẩu	-	313.420.469	313.420.469	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.738.672.351)	5.711.905.710	76.272.302	2.896.961.057
Thuế Thu nhập cá nhân	(15.670.202)	787.635.633	723.004.525	48.960.906
Thuế đất	-	207.702.110	207.702.110	-
Tiền thuê đất	(551.332.574)	5.094.686.579	5.094.686.579	(551.332.574)
Các loại thuế, phí khác	295.652.221	311.929.826	607.100.506	481.541
Cộng	(3.010.022.906)	20.694.364.111	15.062.082.263	2.622.258.942
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>295.652.221</i>			<i>3.173.591.516</i>
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>3.305.675.127</i>			<i>551.332.574</i>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	18.615.539.743	3.103.772.254
- Chi phí lãi vay và lãi nhận ký quỹ	146.577.822	140.618.970
- Chi phí khuyến mại	9.399.071.000	2.963.153.284
- Chi phí thuê đất	1.361.980.921	-
- Chi phí hội nghị	2.500.000.000	-
- Chi phí nghiên cứu thị trường	1.200.000.000	-
- Chi phí quảng cáo	1.500.000.000	-
- Chi phí khác	2.507.910.000	-
Dài hạn	48.569.826.988	48.957.880.774
- Chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại 25 Lý Thường Kiệt (i)	48.569.826.988	48.957.880.774
Cộng	67.185.366.731	52.061.653.028

(i) Khoản chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của Dự án tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt tương ứng với phần diện tích sử dụng đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building thuê đến năm 2057 do Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê mặt bằng với Công ty này đến năm 2057 vào kết quả kinh doanh năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Doanh thu cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt	1.839.718.755	1.624.389.871
Cộng	1.839.718.755	1.624.389.871
Dài hạn		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	57.849.883.030	58.555.363.948
- Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình(ii)	9.608.555.568	9.608.555.568
- Công ty TNHH Bình Hạnh Đan (ii)	2.659.413.637	3.656.693.755
Cộng	70.117.852.235	71.820.613.271

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt.

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ngày 06/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời gian thuê từ ngày 10/11/2013 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 1, 2 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 584m². Tổng tiền thuê cả kỳ là 61.612.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HĐ-TVP ngày 12/12/2013 với ông Nguyễn Phan Quang Bình và bà Ngô Thị Bích Hạnh – bên thuê ban đầu (ông Bình và bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2014 bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan thuê tại khu vực tầng 11 của tòa nhà. Theo đó, thời hạn thuê của bên thuê bổ sung - Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ 25/11/2013 đến 25/11/2017 (4 năm thuê đầu tiên) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 7.978.240.932 đồng và thời hạn thuê của bên thuê ban đầu - ông Bình và bà Hạnh là từ 26/11/2017 đến 08/07/2057 (thời gian thuê còn lại) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 9.608.555.568 đồng.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	178.937.638	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.488.381.606	4.815.858.740
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.565.410	-
Cộng	8.668.884.654	4.815.858.740
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.217.616.342	1.217.616.342
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (i)	54.090.909.091	49.090.909.091
Cộng	58.308.525.433	53.308.525.433

(i) Số dư phải trả Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building là số tiền góp vốn đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN PHÒNG PHẠM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	79.434.845.177	79.434.845.177	216.923.183.783	202.676.300.989	65.187.962.383	65.187.962.383
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	77.927.920.677	77.927.920.677	192.844.474.014	170.826.903.291	55.910.349.954	55.910.349.954
- Vay ngắn hạn thẻ Visa Ngân hàng	11.924.500	11.924.500	87.253.900	75.329.400	-	-
- Vay cá nhân (ii)	1.495.000.000	1.495.000.000	-	1.725.000.000	3.220.000.000	3.220.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	79.434.845.177	79.434.845.177	216.923.183.783	202.676.300.989	65.187.962.383	65.187.962.383

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/15/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 02/07/2015, phụ lục số 01 ngày 05/01/2016, phụ lục số 02 ngày 14/04/2016, phụ lục số 03 ngày 04/07/2016 với hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn rút vốn từ ngày 02/07/2015 đến hết ngày 04/09/2016
- Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 672 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên. Lãi suất các khoản vay tại ngày 30/06/2016 là 6,2%, thời hạn vay 06 tháng.

- (ii) Khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn vay không xác định cụ thể, lãi suất vay áp dụng theo thông báo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	58.961.000.000	17.374.225.455	-	-	-	22.177.476.174	98.512.701.629	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	43.208.693.251	43.208.693.251	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.900.411.071	3.806.130.187	(22.177.476.174)	(13.470.934.916)	
Tại ngày 01/01/2016	58.961.000.000	17.374.225.455	4.900.411.071	4.900.411.071	3.806.130.187	43.208.693.251	128.250.459.964	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	19.883.022.916	19.883.022.916	
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	8.641.738.650	-	(30.733.292.638)	(22.091.553.988)	
Tại ngày 30/06/2016	58.961.000.000	17.374.225.455	13.542.149.721	3.806.130.187	3.806.130.187	32.358.423.529	126.041.928.892	

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

- Chia cổ tức với số tiền là 14.740.250.000 đồng (đến ngày 30/6/2016, Công ty đã chi trả hết số cổ tức này cho các cổ đông);
- Quỹ đầu tư phát triển: 8.641.738.650 đồng;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 6.481.303.988 đồng,
- Thưởng HĐQT và Ban giám đốc: 870.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2016	01/01/2016
	%	VND	VND
Ông Bùi Kỳ Phát	6,17%	3.638.550.000	3.638.550.000
Ông Bùi Quốc Giang	15,01%	8.850.000.000	8.850.000.000
Ông Tạ Quốc Bình	12,42%	7.322.280.000	7.322.280.000
Ông Võ Sỹ Dững	5,61%	3.307.600.000	3.307.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	60,79%	35.842.570.000	35.842.570.000
Cộng	100%	58.961.000.000	58.961.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia cổ tức và phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	58.961.000.000	58.961.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	58.961.000.000	58.961.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	30.733.292.638	22.177.476.174
Phân phối lợi nhuận năm trước	30.733.292.638	22.177.476.174
- Trích quỹ quỹ đầu tư phát triển	8.641.738.650	4.900.411.071
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	3.806.130.187
- Chia cổ tức	14.740.250.000	11.792.200.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.351.303.988	1.678.734.916

Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.896.100</i>	<i>5.896.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.896.100</i>	<i>5.896.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
- Đối tượng Hoàng Đình Thắng	83.706.163.837	83.706.163.837
Ngoại tệ		
- USD	9.088,15	1.097,25

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	317.985.221.170	271.127.894.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.597.833.277	11.674.692.562
Cộng	334.583.054.447	282.802.587.066

Doanh thu với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	227.607.735	10.758.729

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	210.173.630	79.171.680
Cộng	210.173.630	79.171.680

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	87.012.015.234	78.320.512.233
Giá vốn của thành phẩm đã bán	150.465.347.711	126.475.611.425
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.538.882.154	4.111.911.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	974.726.108
Cộng	244.016.245.099	209.882.760.784

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.394.019.510	2.501.645.647
Chiết khấu thanh toán	1.393.178.552	1.360.259.549
Chi phí tài chính khác	92.191.024	80.610.200
Cộng	3.879.389.086	3.942.515.396

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	12.889.095.470	9.525.605.259
- Chi phí nhân viên quản lý	6.211.271.275	3.574.958.776
- Chi phí khấu hao TSCĐ	700.988.143	440.955.583
- Dự phòng phải thu khó đòi	1.000.843.170	925.497.623
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.869.386	860.546.865
- Chi phí khác bằng tiền	4.274.123.496	3.723.646.412
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	48.184.817.251	41.487.534.066
- Chi phí nhân viên bán hàng	8.560.763.662	6.243.887.211
- Chi phí khấu hao TSCĐ	854.149.312	498.527.996
- Chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng	11.730.057.132	6.402.000.359
- Chi phí khuyến mại	16.346.979.624	17.663.438.291
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.846.112.583	4.442.456.292
- Chi phí khác	6.846.754.938	6.237.223.917

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.054.584.058	136.998.334.556
Chi phí nhân công	27.113.980.815	17.879.185.165
Chi phí khấu hao	9.159.590.834	4.201.830.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.595.201.758	11.350.580.451
Chi phí khác bằng tiền	42.450.903.765	39.980.995.053
Cộng	201.374.261.230	210.410.925.378

29. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	211.813.668	130.394.540
Tiền thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	1.165.259.482
Các khoản khác	486.688.011	270.728.639
Cộng	698.501.679	1.566.382.661

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.516.456.844	19.274.170.351
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	746.720.777	58.989.979
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	1.203.621.117
Thu nhập chịu thuế trong năm	26.263.177.621	18.129.539.213
Thuế suất	20%	22%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.252.635.524	3.988.498.627
Thuế TNDN truy thu của năm trước	380.798.404	-
Chi phí thuế TNDN	5.633.433.928	3.988.498.627

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.883.022.916	15.285.671.724
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.883.022.916	15.285.671.724
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.896.100	5.896.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.372	2.593

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh đã nêu trên của Báo cáo tài chính này, trong kỳ hoạt động Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	2.324.213.564	1.797.920.570
Thu nhập của Ban điều hành	972.428.004	780.970.000
Hội đồng quản trị	288.000.000	168.000.000
Ban Tổng giám đốc	684.428.004	612.970.000

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2016 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.556.863.803	16.669.374.388
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.459.314.937	18.128.417.984
Tài sản tài chính khác	431.843.024	399.286.864
Cộng	89.448.021.764	35.197.079.236
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	79.434.845.177	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	117.616.643.028	111.418.012.261
Chi phí phải trả	67.185.366.731	52.061.653.028
Công nợ tài chính khác	9.705.997.948	6.033.475.082
Cộng	273.942.852.884	234.701.102.754

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/6/2016 như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	203.029.271	24.732.015	-	-
Euro (EUR)	-	-	-	34.230.028

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2016.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2016 là 3.092.274.433 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 2.091.431.263 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016			
Các khoản vay	79.434.845.177	-	79.434.845.177
Phải trả người bán và phải trả khác	60.525.733.937	57.090.909.091	117.616.643.028
Chi phí phải trả	18.615.539.743	48.569.826.988	67.185.366.731
Công nợ tài chính khác	8.488.381.606	1.217.616.342	9.705.997.948
Tại 01/01/2016			
Các khoản vay	65.187.962.383	-	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	59.327.103.170	52.090.909.091	111.418.012.261
Chi phí phải trả	3.103.772.254	48.957.880.774	52.061.653.028
Công nợ tài chính khác	4.815.858.740	1.217.616.342	6.033.475.082

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.556.863.803	-	19.556.863.803
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.459.314.937	-	69.459.314.937
Tài sản tài chính khác	133.076.160	298.766.864	431.843.024
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.669.374.388	-	16.669.374.388
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.128.417.984	-	18.128.417.984
Tài sản tài chính khác	100.520.000	298.766.864	399.286.864

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán chuyển sang.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

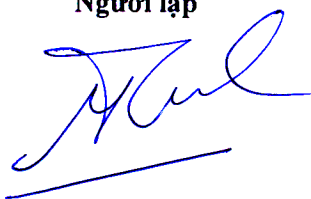
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu		Kỳ so sánh phân loại lại	Kỳ so sánh trước phân loại	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	282.802.587.066	294.807.789.042	(12.005.201.976)
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	79.171.680	12.084.373.656	(12.005.201.976)
Chi phí tài chính	22	3.942.515.396	2.582.255.847	1.360.259.549
Chi phí bán hàng	25	41.487.534.066	42.847.793.615	(1.360.259.549)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập



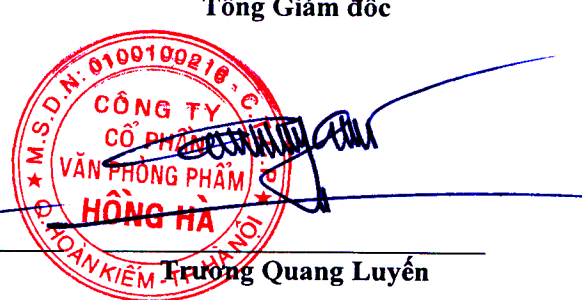
Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến